TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12 – 4 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Mỹ Hạnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Lê Thị Thúy Kiều**

Ông **Bùi Chí Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Đinh Thị D, sinh năm 1984 (có mặt)

- ***Bị đơn:*** anh Trần Công Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã Mỹ B, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Đinh Thị D trình bày như sau:***

Chị và anh Trần Công Đ có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 31/8/2010 tại Uỷ ban nhân dân xã Mỹ Bình, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng tôi

sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chúng tôi đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không thể hàn gắn. Chúng tôi đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 19/10/2006 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 09/02/2016. Hiện các cháu đang sống chung với tôi.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận

Về nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận nợ chung

Nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Trần Công Đ.

- Về con chung: Tôi yêu cầu nuôi 02 con chung là cháu Trần Hoàng K, sinh ngày 19/10/2006 và cháu Trần Hoàng T, sinh ngày 09/02/2016 và tôi không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu giải quyết.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Tôi không yêu cầu giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Công Đ vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.***

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, còn bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của Chị D đối với anh Đ thì thấy rằng Chị D và anh Đ sống chung trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống Chị D và anh Đ cũng đã có con chung nhưng đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân thì Chị D và anh Đ mạnh ai nấy sống không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc Chị D yêu cầu ly hôn là phù hợp có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Chị D xin ly hôn với anh Đ. Cho chị Đinh Thị D được ly hôn với anh Trần Công Đ.

- Xét yêu cầu nuôi con của Chị D thì thấy rằng: Quá trình sống chung Chị D và anh Đ có 02 con chung là Trần Hoàng Khang, sinh ngày 19/10/2006 và cháu

Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 09/02/2016 hiện đang sống với Chị D các cháu vẫn đang đi học và phát triển bình thường hơn nữa 02 cháu cũng có nguyện vọng theo sống với Chị D nên để không làm ảnh hưởng xáo trộn sinh hoạt bình thường của 02 cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Trần Hoàng Khang, sinh ngày 19/10/2006 và cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 09/02/2016 cho Chị D nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đ không ai được quyền ngăn cản

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Trần Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Công Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Vào ngày 31/8/2010 chị Đinh Thị D và anh Trần Công Đ là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Bình, huyện Ngã Năm (nay là thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa Chị D và anh Đ là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Thời gian chung sống Chị D và anh Đ cũng đã có con chung nhưng đến năm 2022 Chị D và anh Đ đã ly thân. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng Chị D cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa, chị và anh Đ đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người muốn xây dựng cuộc sống riêng. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của Chị D và anh Đ đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn chung sống với nhau, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của Chị D và anh Đ trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị D.

- Xét yêu cầu nuôi con của Chị D thì thấy rằng: Quá trình sống chung Chị D và anh Đ có 02 con chung là Trần Hoàng Khang, sinh ngày 19/10/2006 và cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 09/02/2016 hiện đang sống với Chị D. Nhận thấy từ khi anh chị ly thân đến nay Chị D đã nuôi con, cháu vẫn phát triển bình thường và

các cháu vẫn đang đi học các hơn nữa 02 cháu cũng có nguyện vọng theo sống với Chị D nên để không làm ảnh hưởng xáo trộn sinh hoạt bình thường của 02 cháu, nay Chị D yêu cầu nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nghĩ nên giao 02 cháu Trần Hoàng Khang, sinh ngày 19/10/2006 và cháu Trần Hoàng Thịnh sinh ngày 09/02/2016 cho Chị D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Công Đ, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở anh Đ thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đinh Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đinh Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đinh Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị D được ly hôn với anh Trần Công Đ

2. Về con chung: Giao 02 cháu Trần Hoàng Khang, sinh ngày 19/10/2006 và cháu Trần Hoàng Thịnh, sinh ngày 09/02/2016 cho chị Đinh Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Công Đ, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đinh Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007340 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như Chị D đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**** Nơi nhận:***
- *Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;*
- *VKSND thị xã Ngã Năm;*
- *Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã Mỹ Bình;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Ngô Thị Mỹ Hạnh

trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do chị Đinh Thị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Chị D không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Đinh Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007340 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như Chị D đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**